TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST Ngày: 20 - 7 - 2018 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông hồ Văn Cương.
Ông Cao Ngọc Thạch.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Ngày 20/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bảo Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 72A, đường P, phường L, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 91, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà Th có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo Th và và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo Th trình bày: Vào năm 2012 bà và ông T có tìm hiểu và thương yêu nhau khoảng một năm mới tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã K, tỉnh Long An, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt và bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, sự việc xảy ra đã được gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Hiện tại bà xác định không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống có người con chung tên Võ T C, sinh ngày 20/12/2013, giới tính nam. Hiện nay do bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo Th Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thị xã K đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 36/TB-TLVA ngày 04/4/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 29/TB-TA ngày 05/4/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 46/TB-TA ngày 10/5/2018 đã niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông T không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Do đó, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thể tiến hành được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị Bảo Th làm đơn khởi kiện xin ly hôn, quyền nuôi con đối với ông Võ Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 91, ấp C, xã B, thị xã K, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là phù hợp với Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 ngày 20/7/2018 đã niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T không có mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Bảo Th xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Võ Văn T, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà Th với ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quí trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bảo Th yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung tên Võ T C, sinh ngày

20/12/2013, giới tính nam là hoàn toàn tự nguyện. Xét thấy, từ khi bà Th sống ly thân với ông T bà Th dẫn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con chung phát triển tâm sinh lý bình thường như bao trẻ khác, bà Th có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bảo Th là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bảo Th không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo Th xác định không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Nguyễn Thị Bảo Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo Th đối với ông Võ Văn T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Bảo Th ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Tiếp tục giao người con chung tên Võ T C, sinh ngày 20/12/2013, giới tính nam, cho bà Nguyễn Thị Bảo Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc ngây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bảo Th phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006723 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Bảo Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà Th báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Võ Văn T

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã B, TX K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trình Văn Út